TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 1056/2023/DSPT
Ngày: 13/11/2023
Về việc: Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

2. Ông Uông Văn Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 và ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 227/2023/DS-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4645/2023/QĐPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Lệ K, năm sinh 1956 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Số Y đường L, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Đức H, năm sinh 1959 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Số O đường Đ, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Kim L, năm sinh 1964 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Kim C1, năm sinh 1967 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Số I đường F, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Mạnh C2, năm sinh 1958 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Số U đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Trần Vân L, năm sinh 1959 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 47 đường M, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Mạnh T, năm sinh 1966 (Có mặt);
Địa chỉ: Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Mạnh Q, năm sinh 1962 (Có mặt);
Địa chỉ: Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Mạnh P, năm sinh 1960 (Có mặt);
Địa chỉ: Số Z đường D, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 của các nguyên đơn bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày: Căn nhà số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do cụ Trần Văn T2 và Phạm Thị N tạo lập. Cụ T2 và cụ N có các người con là Trần Thị Lệ K, Trần Thị Đức H, Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim C1, Trần Mạnh C2, Trần Mạnh T, Trần Mạnh P và Trần Mạnh Q.

Năm 1993 cụ T2 chết nhưng không để lại di chúc và để thuận lợi cho việc quản lý cũng như bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình. Ngày 07/5/2020, cụ N cùng các người con đến Văn phòng Công chứng ĐT làm văn bản khai nhận di sản thừa kế của cụ T2. Ngày 14/7/2020 Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số R, tờ bản đồ số W (BĐĐC-2005) địa chỉ Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho cụ N và đồng sở hữu với cụ N là bà K, bà H, bà L, bà C1, ông C2, ông T, ông Q và ông P.

Tuy nhiên nhà, đất hiện nay do ông T và ông Q quản lý sử dụng, không đồng ý phân chia cho các đồng sở hữu nên các đồng sở hữu là bà K, bà H, bà L, bà C1 và ông C2 khởi kiện yêu cầu chia tài sản của cụ T2 để lại, ½ nhà, đất trên thuộc quyền sở hữu của cụ T2 và ½ thuộc quyền sở hữu của cụ N. ½ nhà đất thuộc quyền sở hữu của cụ T2 được chia làm 09 phần theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/3/2021, bà L có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Ngày 05/01/2021, cụ N chết nhưng trước khi chết cụ N có lập di chúc ngày 21/8/2020 được Văn phòng Công chứng ĐT công chứng số 005026 cùng ngày, theo đó cụ N để lại cho bà L hưởng toàn bộ phần sở hữu của cụ N đối với nhà đất nêu trên. Bà L yêu cầu chia phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ N để lại theo di chúc và phần cụ N được hưởng thừa kế của cụ T2.

Trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn xác định giá trị nhà, đất đang tranh chấp là 2.446.000.000 đồng theo chứng

thư thẩm định giá số N2209-0031/CENVALUE-CTTĐ ngày 08/9/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá TK - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trần Mạnh P trình bày: Cụ T2 và cụ N là cha mẹ của ông và có các người con như nguyên đơn trình bày là đúng. Sinh thời cụ T2 và cụ N có tạo lập được nhà, đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia nhà, đất nêu trên làm 09 phần theo quy định của pháp luật thì ông cũng đồng ý.

Bị đơn ông Trần Mạnh T và ông Trần Mạnh Q vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 227/2023/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1 và ông Trần Mạnh C2.

1.1. Xác định tài sản của cụ Trần Văn T2 và cụ Phạm Thị N để lại là nhà và đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 2.446.000.000 (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu) đồng. Mỗi cụ được hưởng ½ giá trị nhà và đất tương đương 1.223.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu) đồng.

1.2. Xác định những người đồng sở hữu tài sản của cụ Trần Văn T2 để lại là nhà và đất Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh gồm có vợ là cụ Phạm Thị N và 08 người con gồm: bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2, ông Trần Mạnh T, ông Trần Mạnh P và ông Trần Mạnh Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02502 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2020.

1.3. Công nhận tờ di chúc của cụ Phạm Thị N được lập tại Văn phòng Công chứng ĐT có số công chứng 005026, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 8 năm 2020 là hợp pháp.

1.4. Di sản của cụ Phạm Thị N là 1.223.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu) đồng và phần tài sản của cụ Phạm Thị N được hưởng của cụ Trần Văn T2 là 135.888.889 (Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng. Tổng tài sản của cụ Phạm Thị N là 1.358.888.889 (Một tỷ ba trăm năm mươi tám triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

1.5. Bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim C1, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Mạnh C2, ông Trần Mạnh T, ông Trần Mạnh Q và ông Trần Mạnh P, mỗi người được hưởng tài sản của cụ Trần Văn T2 số tiền là 135.888.889 (Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

1.6. Bà Trần Thị Kim L được hưởng tài sản của cụ Trần Văn T2 và di sản của cụ Phạm Thị N số tiền là 1.494.777.778 (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám) đồng.

1.7. Giao nhà, đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02502 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2020 cho ông Trần Mạnh T và ông Trần Mạnh Q quản lý, sử dụng. Ông Trần Mạnh T và ông Trần Mạnh Q có trách nhiệm hoàn lại cho bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2 và ông Trần Mạnh P, mỗi người số tiền là 135.888.889 (Một trăm ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng và có trách nhiệm hoàn lại cho bà Trần Thị Kim L số tiền là 1.494.777.778 (Một tỷ bốn trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám) đồng trong thời hạn 03 (Ba) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.8. Sau khi ông Trần Mạnh T và ông Trần Mạnh Q hoàn trả đủ số tiền cho bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2 và ông Trần Mạnh P thì ông Trần Mạnh T và ông Trần Mạnh Q được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu đối với nhà, đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02502 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2020.

1.9. Hết thời hạn 03 (Ba) tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Mạnh T và ông Trần Mạnh Q không giao tiền hoặc giao tiền không đủ cho các đồng sở hữu thì một trong các đồng sở hữu có quyền yêu cầu phát mãi nhà, đất Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trừ chi phí phát mãi, số tiền chia cho các đồng sở hữu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/7/2023, bị đơn ông Trần Mạnh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2 có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Vân L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý chia cho ông Trần Mạnh T một phần công sức trong kỷ phần thừa kế của cụ T2, bị đơn ông Trần Mạnh T xin rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với phần di chúc của cụ Phạm Thị N, chỉ yêu cầu xem xét công sức bảo quản, giữ gìn di sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn rút lại một phần kháng cáo đối với phần di chúc của cụ Phạm Thị N để lại, chỉ yêu cầu tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đồng ý chia cho ông Trần Mạnh T một phần công sức đóng góp trong phần di sản của cụ Trần Văn T2 để lại. Ông Trần Văn T đồng ý với ý kiến của nguyên đơn. Như vậy, ông T sẽ được nhận một kỷ phần thừa kế và một phần công sức tương đương với một kỷ phần thừa kế. Ông Trần Mạnh P và ông Trần Mạnh Q thống nhất như ý kiến của phía nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn ông Trần Mạnh T rút lại một phần kháng cáo đối với phần di chúc của cụ Phạm Thị N để lại. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này.

Xét kháng cáo của ông Trần Mạnh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét công sức bảo quản, giữ gìn di sản là thiệt thòi quyền lợi cho ông.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn ông T không tới tòa, không có ý kiến trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết và xét xử vắng mặt bị đơn ông T. Sau khi nhận được bản án ông T kháng cáo yêu cầu được tính công sức bảo quản, giữ gìn di sản.

Hội đồng xét xử xét thấy di sản của cụ Trần Văn T2 để lại là ½ nhà, đất tại địa chỉ số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ T2 chết không để lại di chúc, nên di sản của cụ T2 sẽ được chia theo pháp luật cho vợ là cụ Phạm Thị N và các con gồm bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2, ông Trần Mạnh T, ông Trần Mạnh Q, ông Trần Mạnh P. Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết chia thừa kế chưa xem xét giải quyết công sức bảo quản, giữ gìn di sản do bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu được xem xét phần công sức bảo quản gìn giữ di sản và được các nguyên đơn cũng như ông Q và ông P đồng ý tính phần công sức cho ông T trong phần di sản của cụ Trần Văn T2 để lại. Xét, đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Công ty Thẩm định giá TK thì giá trị quyền sử dụng đất là 2.309.812.200 (Hai tỷ ba trăm lẻ chín triệu tám trăm mười hai ngàn hai trăm) đồng và giá trị công trình xây

dựng là 136.080.000 (Một trăm ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi ngàn) đồng. Như vậy, ½ di sản của cụ Trần Văn T2 tương đương số tiền 1.223.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu) đồng và được chia đều cho 09 đồng sở hữu và 1 suất công sức cho ông T. Như vậy, mỗi đồng thừa kế sẽ được hưởng số tiền 122.300.000 (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn) đồng. Riêng ông Trần Mạnh T sẽ được nhận một phần thừa kế của cụ T2 là 122.300.000 (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn) đồng và một phần công sức bằng một suất thừa kế là 122.300.000 (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn) đồng. Tổng cộng ông T được nhận là 244.600.000 (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Di sản thuộc quyền sở hữu của cụ Phạm Thị N là ½ giá trị nhà, đất nêu trên tương đương số tiền 1.223.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu) đồng + một kỷ phần thừa kế của cụ T2 là 122.300.000 (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn) đồng, tổng cộng cụ Phạm Thị N được hưởng là 1.345.300.000 (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm ngàn) đồng. Căn cứ vào bản di chúc lập ngày 21/8/2020 của cụ Phạm Thị N được Văn Phòng Công chứng ĐT công chứng, thì phần di sản thuộc quyền sở hữu của cụ N và phần cụ N được hưởng từ cụ T2 đối với nhà đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ để lại cho bà Trần Thị Kim L. Như vậy, bà Trần Thị Kim L sẽ được nhận số tiền tương đương là 1.467.600.000 (Một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt, các đương sự không có thỏa thuận sẽ giao nhà đất đang tranh chấp lại cho phía bị đơn quản lý, sử dụng và bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại kỷ phần cho các đồng thừa kế, nhưng lại tuyên giao nhà đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Trần Mạnh T và Trần Mạnh Q là trái với quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc này.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm do sửa án nên các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Trần Mạnh T;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Mạnh T;

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Án lệ số 02/2016/AL ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1 và ông Trần Mạnh C2.

1.1. Xác định di sản của cụ Trần Văn T2 và cụ Phạm Thị N để lại là nhà và đất số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 2.446.000.000 (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu) đồng. Mỗi cụ được hưởng ½ giá trị nhà và đất tương đương 1.223.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu) đồng.

1.2. Xác định những người được hưởng di sản của cụ Trần Văn T2 để lại gồm có vợ là cụ Phạm Thị N và 08 người con gồm: bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, bà Trần Thị Kim C1, ông Trần Mạnh C2, ông Trần Mạnh T, ông Trần Mạnh P, ông Trần Mạnh Q.

1.3. Công nhận tờ di chúc của cụ Phạm Thị N được lập tại Văn phòng Công chứng ĐT có số công chứng 005026, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 8 năm 2020 là hợp pháp.

1.4. Di sản của cụ Phạm Thị N là 1/2 nhà đất tương đương 1.223.000.000 (Một tỷ hai trăm hai mươi ba triệu) đồng và phần di sản cụ Phạm Thị N được hưởng của cụ Trần Văn T2 là 122.300.000 (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn) đồng, tổng cộng phần cụ N được hưởng là 1.345.300.000 (Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm ngàn) đồng.

1.5. Bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim C1, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Mạnh C2, ông Trần Mạnh Q và ông Trần Mạnh P, mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế theo pháp luật trong khối di sản của cụ Trần Văn T2 với số tiền là 122.300.000 (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn) đồng.

1.6. Bà Trần Thị Kim L được hưởng phần của cụ Trần Văn T2 và phần của cụ Phạm Thị N là 1.467.600.000 (Một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng.

1.7. Ông Trần Mạnh T được hưởng phần của cụ Trần Văn T2 và một suất công sức bằng một kỷ phần thừa kế. Tổng cộng là 244.600.000 (Hai trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm ngàn) đồng.

1.8. Giao cơ quan Thi hành án phát mãi nhà đất tại địa chỉ Số N đường V, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH02502 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 14 tháng 7 năm 2020. Sau khi trừ đi các chi phí phát mãi nhà đất, phí thi hành án, các khoản thuế và chi phí khác phát sinh khi thực hiện các thủ tục phát mãi nhà. Số tiền còn lại chia cho các đương sự tại khoản 1.5; 1.6; 1.7 của Quyết định này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị Lệ K được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Lệ K số tiền 2.775.000 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0068561 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Bà Trần Thị Đức H được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Đức H số tiền 2.775.000 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0068560 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Ông Trần Mạnh C2 được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn lại cho ông Trần Mạnh C2 số tiền 2.775.000 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0068562 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Bà Trần Thị Kim C1 phải chịu án phí sơ thẩm là 6.115.000 (Sáu triệu một trăm mười lăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.775.000 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0068563 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim C1ức còn phải nộp thêm số tiền là 3.340.000 (Ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn) đồng.

2.5. Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí sơ thẩm là 56.028.000 (Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi tám ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.775.000 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0068564 ngày 26 tháng 10 năm 2020 và 22.665.000 (Hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0069277 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim L còn phải nộp thêm số tiền 30.588.000 (Ba mươi triệu năm trăm tám mươi tám ngàn) đồng.

2.6. Ông Trần Mạnh T phải chịu án phí sơ thẩm là 12.230.000 (Mười hai triệu hai trăm ba mươi ngàn) đồng.

2.7. Ông Trần Mạnh Q được miễn nộp tiền án phí.

2.8. Ông Trần Mạnh P được miễn nộp tiền án phí.

3. Về chi phí thẩm định giá: Bà Trần Thị Lệ K, bà Trần Thị Đức H, bà Trần Thị Kim L, ông Trần Mạnh C2, ông Trần Mạnh T, ông Trần Mạnh Q và ông Trần Mạnh P có trách nhiệm hoàn trả cho Trần Thị Kim C1 tiền chi phí thẩm định giá, mỗi người là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND quận T;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo